

CTCP XNK THỦY SẢN BẾN TRE
AQUATEX BENTRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số/No: 237/BC.ABT

Vinh Long, ngày 31 tháng 3 năm 2026
Vinh Long, March 31, 2026

BÁO CÁO/ANNUAL REPORT
Thường niên năm/Year 2025

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM
To: - The State Securities Commission;
- HCMC Stock Exchange.

I. Thông tin chung/General information

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/Trading name: **Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre**
Bentre Aquaproduct Import and Export Joint Stock Company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/Business Registration Certificate No.:
1300376365 do Sở Tài chính Vĩnh Long cấp thay đổi lần 13 ngày 26/01/2026/ amended for
the 13th time by the Vinh Long Department of Finance on January 26, 2026
- Vốn điều lệ/Charter capital: 143.872.070.000 đồng/ VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/Owner's capital: 434.273.706.501 đồng/ VND
- Địa chỉ/Address:
Số 79, Tổ 13, Ấp Tân An Thị, Xã Phú Túc, Tỉnh Vĩnh Long
No. 79, Group 13, Tan An Thi Hamlet, Phu Tuc Commune, Vinh Long Province.
- Số điện thoại/Telephone: 0275. 3860 265
- Số fax/Fax: 0275. 3860 346
- Website: www.aquatexbentre.com
- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any): ABT
- Quá trình hình thành và phát triển/Establishment and development process:

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre tiền thân là Xí nghiệp Đông lạnh 22 được UBND tỉnh Bến Tre thành lập năm 1977, cấp quản lý trực tiếp là Sở Thủy sản Bến Tre/ Bentre Aquaproduct Import and Export Joint Stock Company, formerly known as Frozen Factory 22, was established in 1977 by the People's Committee of Ben Tre Province, directly managed by the Ben Tre Department of Fisheries.

Trong quá trình hoạt động, tên Công ty có thay đổi như sau/ During its operation, the Company's name changed as follows:

Từ 1977 đến 1988: Xí nghiệp Đông lạnh 22/ From 1977 to 1988: Frozen Factory 22;

Từ 1988 đến 1992: Liên hiệp các xí nghiệp thủy sản xuất khẩu Bến Tre/ *From 1988 to 1992: Union of Ben Tre Export Aquaproduct Factories;*

Từ 1992 đến 2003: Công ty Đông lạnh thủy sản xuất khẩu Bến Tre/ *From 1992 to 2003: Ben Tre Frozen Aquaproduct Export Company.*

Từ 2004: Công ty Đông lạnh thủy sản xuất khẩu Bến Tre được cổ phần hoá và chuyển thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre/ *Since 2004: Bentre Frozen Aquaproduct Export Company was equitized and transformed into Bentre Aquaproduct Import and Export Joint Stock Company.*

- Các sự kiện khác/*Other events:*

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM từ tháng 12/2006/ *The shares of Bentre Aquaproduct Import and Export Joint Stock Company have been listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange since December 2006.*

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/*Business lines and locations of the business:*

- Ngành nghề kinh doanh/*Business lines:* Nuôi trồng thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Xuất, nhập khẩu thủy sản; Bán buôn thủy sản/*Aquaculture; Processing and preserving seafood and seafood products; Import and export of seafood; Wholesale of seafood.*

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business:* Trụ sở Công ty, nhà máy chế biến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long/ *Company headquarters, processing plant in Vinh Long province;*

Vùng nuôi của Công ty tọa lạc tại tỉnh Đồng Tháp và Vĩnh Long/ *The Company's farming areas are located in Dong Thap and Vinh Long provinces.*

Sản phẩm của Công ty đã có mặt tại các nước: EU, Nhật, Canada, Trung Đông, Trung Quốc,.../ *The Company's products are present in countries such as: EU, Japan, Canada, Middle East, China,...*

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/*Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/*Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises).*

Công ty được quản lý và điều hành theo cơ cấu tổ chức gồm: Đại hội đồng cổ đông (ĐHCD), Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát (BKS), Ban Tổng Giám đốc/ *The company is managed and operated according to an organizational structure including: General Meeting of Shareholders (GMS), Board of Directors (BOD), Board of Supervisors (BOS), Board of Management (BOM).*

- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies:*

Công ty con/*Subsidiary:* Công ty TNHH Thủy sản công nghệ cao AQUATEX BENTRE (ABT High-tech Co, LTD)/ *AQUATEX BENTRE High-tech Aquaproduct Co., Ltd (ABT High-tech Co, LTD).*

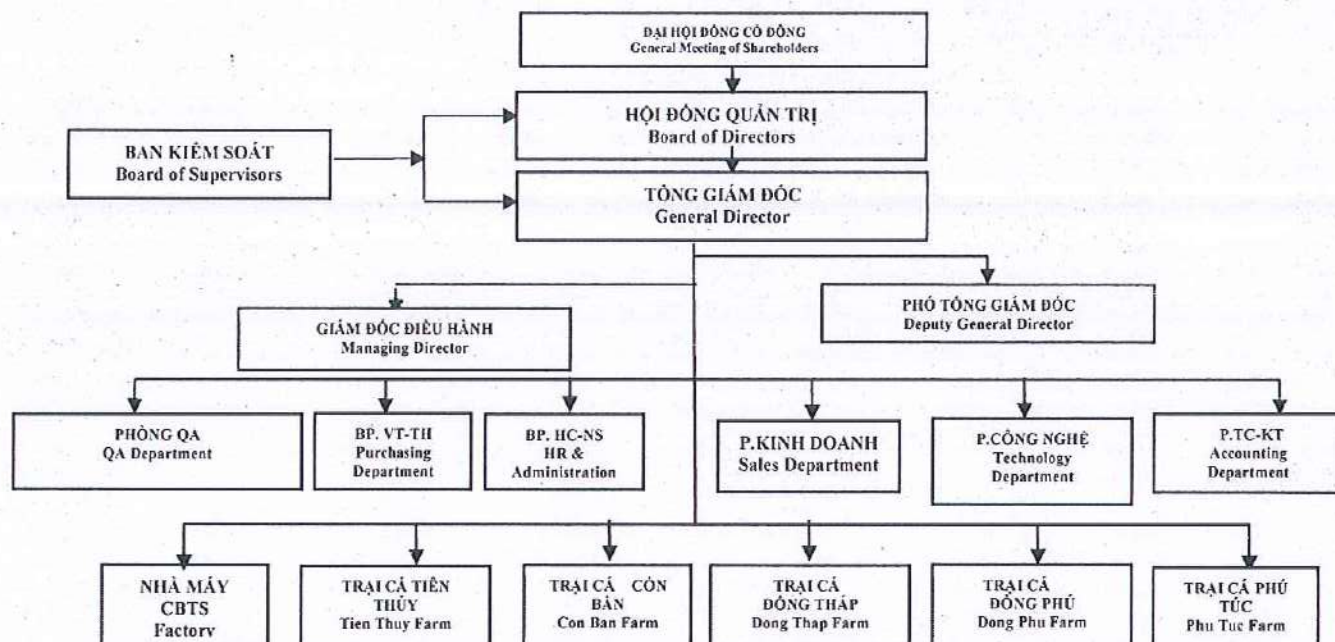
Địa chỉ trụ sở chính/ *Head office address:* Ấp Tân An Thị (thửa đất số 113, tờ bản đồ số 09), Xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long/ *Tan An Thi Hamlet (land plot No. 113, map sheet No. 09), Phu Tuc Commune, Vinh Long Province.*

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính/ *Main business field:* Sản xuất giống thủy sản/ *Production of aquatic breeds.*

Vốn điều lệ thực góp/ *Actual contributed charter capital:* 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng)/ *VND 10,000,000,000 (Ten billion dong).*

Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con/ *Company's ownership ratio in subsidiary:* 100%.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure:*



4. Định hướng phát triển/Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company:*

Không ngừng cải tiến và nâng cao năng lực quản lý để giữ vững tốc độ sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty/ *Continuously improve and enhance management capacity to maintain the pace of production and business and the operational efficiency of the Company.*

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term:*

+ Chủ động nguồn nguyên liệu sạch cho chế biến xuất khẩu/ *Proactively secure clean raw material sources for export processing.*

+ Nâng cấp chất lượng, đưa hoạt động ương nuôi cá tra đạt trình độ hàng đầu Việt Nam/ *Upgrade quality, bringing pangasius farming operations to the leading level in Vietnam.*

+ Duy trì sản xuất đồng thời 2 nhóm sản phẩm nghêu và cá tra, mở rộng chủng loại và số lượng các mặt hàng chế biến có GTGT và hàng có chứng nhận/ *Maintain simultaneous production of both clam and pangasius product groups, expand the types and quantities of value-added processed goods and certified products.*

+ Đầu tư về chiều sâu, tăng cường công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất- chất lượng và hiệu quả/ *Invest in depth, strengthen initiatives and technical improvements to enhance productivity, quality, and efficiency.*

+ Chú trọng đầu tư vào hoạt động R&D, phát triển các sản phẩm mới có giá trị cao, an toàn và truy xuất nguồn gốc/ *Focus investment on R&D activities, developing new high-value, safe, and traceable products.*

+ Tiếp tục hoàn thiện các quy trình kiểm soát nội bộ, tăng cường các giải pháp quản trị và quản lý tiên tiến trong toàn Công ty/ *Continue to perfect internal control processes, strengthen advanced governance and management solutions throughout the Company.*

+ Hiện thực hóa các mục tiêu Phát triển bền vững thông qua đánh giá, chấm điểm các chỉ số doanh nghiệp Phát triển bền vững PANSI của Tập đoàn PAN/ *Realize Sustainable Development goals through assessing and scoring the PANSI Sustainable Development enterprise indicators of The PAN Group.*

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability:*

+ Môi trường: Tăng cường kiểm soát phát thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên, xử lý chất thải đạt chuẩn và hướng đến mô hình sản xuất tuần hoàn/ *Environment: Strengthen emission control, optimize*

resource utilization, ensure compliant waste treatment, and move towards a circular production model.

+ Xã hội: Nâng cao đời sống người lao động, tăng cường gắn kết nội bộ và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng địa phương/*Society: Improve employee welfare, strengthen internal engagement, and fulfill responsibilities towards the local community.*

+ Quản trị: Hoàn thiện hệ thống quản trị minh bạch, nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ, phòng chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi cổ đông/*Governance: Enhance transparent governance systems, strengthen internal controls, prevent corruption, and protect shareholder interests.*

+ Chương trình ngắn hạn: Duy trì tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường, lao động và quản trị; nâng cao hiệu quả vận hành và quản lý rủi ro/*Short-term programs: Maintain compliance with environmental, labor, and governance standards; improve operational efficiency and risk management.*

+ Chương trình trung hạn: Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, đầu tư công nghệ, phát triển bền vững gắn với nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị doanh nghiệp/*Medium-term programs: Accelerate green transformation, invest in technology, and pursue sustainable development aligned with enhanced competitiveness and corporate value.*

5. Các rủi ro/Risks:

Tuy ngành thủy sản Việt Nam đã xác lập được vị thế và tính cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế và có những yếu tố hỗ trợ tốt cho những năm tới nhưng ngành thủy sản vẫn còn gặp nhiều khó khăn do những yếu tố bên ngoài và những yếu tố nội tại của ngành như các yếu tố/*Although Vietnam's seafood industry has established a strong position and high competitiveness in the international market and has favorable supporting factors for the coming years, the industry still faces many difficulties due to external factors and internal factors of the industry, such as:*

a/ Rủi ro kinh tế/ Economic risks:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước và của các nước nhập khẩu có ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu tiêu thụ thủy sản. Khi kinh tế tăng trưởng, mức tiêu thụ thủy sản của người tiêu dùng cũng tăng và ngược lại,... do đó sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty/*Domestic economic growth rate and that of importing countries directly affect the demand for seafood consumption. When the economy grows, consumer seafood consumption also increases, and vice versa,... thus impacting the Company's production and business activities.*

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của cả nước, lãi suất tiền gửi ngân hàng, tình hình lạm phát, v.v... ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu của Công ty trên thị trường/*The overall economic growth rate of the country, bank deposit interest rates, inflation situation, etc., affect the Company's stock price in the market.*

b/ Rủi ro về môi trường/ Environmental risks:

- Nghêu: Sản lượng nghêu nuôi phụ thuộc vào nguồn giống tự nhiên/*Clams: Farmed clam production depends on natural seed sources.*

- Thời tiết nắng nóng kéo dài, môi trường ô nhiễm,... làm cho nghêu chết nhiều trong quá trình nuôi/*Prolonged hot weather, environmental pollution,... cause high mortality rates for clams during farming.*

- Cá tra: Nguy cơ suy thoái môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và dịch bệnh phát triển/*Pangasius: Risk of environmental degradation, food safety and hygiene issues, and disease outbreaks.*

- Không xảy ra dịch bệnh lớn, nhưng bệnh trên cá vẫn phát sinh thường xuyên trong quá trình ương nuôi/*No major epidemics occurred, but fish diseases occur frequently during the nursing and farming process.*

c/ Rủi ro xuất phát từ đặc điểm kinh doanh/ Risks arising from business characteristics

- Nguyên liệu đầu vào hạch toán bằng tiền đồng nhưng doanh thu là ngoại tệ nên khi tỷ giá có biến động tăng thì doanh thu và lợi nhuận của Công ty sẽ tăng và ngược lại/*Input materials are accounted for in VND, but revenue is in foreign currency, so when the exchange rate fluctuates upwards, the Company's revenue and profit will increase, and vice versa.*

- Chi phí sản xuất ngày càng tăng, lao động có tay nghề và lao động phổ thông bị cạnh tranh trong và ngoài ngành/ *Production costs are increasing, skilled and unskilled labor face competition both within and outside the industry.*

d/ *Rủi ro về thị trường tiêu thụ/ Market risks*

- Việc xâm nhập vào các thị trường EU, Nhật và Mỹ vẫn còn nhiều rủi ro do sự cạnh tranh của sản phẩm cùng loại, sự thay đổi hành vi người tiêu dùng, đặc biệt là các rào cản thương mại, rào cản kỹ thuật của các nước được áp dụng mạnh hơn, trong khi rào cản cũ vẫn có thể được tiếp tục duy trì/ *Penetrating markets like the EU, Japan, and the US still carries many risks due to competition from similar products, changes in consumer behavior, especially stricter trade and technical barriers imposed by countries, while old barriers may still be maintained.*

- Cá tra sẽ phải cạnh tranh với các sản phẩm thủy sản thịt trắng có thể được người tiêu dùng các nước chọn thay thế cá tra như cá pollock, cá tuyết, cá rô phi/ *Pangasius will face competition from white-fleshed seafood products that consumers in various countries might choose as substitutes, such as pollock, cod, and tilapia.*

- Tình hình địa chính trị thế giới đang trở nên rất bất ổn, dòng chảy hàng hóa đang bị thay đổi mạnh cũng tác động rất lớn đến nhu cầu thủy sản của từng thị trường/ *The global geopolitical situation is becoming very unstable, and the significant disruption in the flow of goods also greatly impacts the demand for seafood in each market.*

e/ *Rủi ro trong hoạt động xuất nhập khẩu/ Risks in import-export activities*

Trong hoạt động chế biến, xuất khẩu thủy sản thường xảy ra các rủi ro như qui cách chất lượng sản phẩm không phù hợp, sản phẩm bị trả lại, bị giảm giá/ *In seafood processing and export activities, risks such as non-conforming product quality specifications, product returns, and price reductions often occur; các rủi ro phát sinh trong quá trình vận chuyển, phân phối sản phẩm, thuế nhập khẩu, v.v... tác động xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty/ risks arising during product transportation and distribution, import taxes, etc., negatively impact the Company's production and business activities.*

f/ *Rủi ro về luật pháp/ Legal risks*

Việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới, ... liên quan đến hoạt động của ngành có thể ảnh hưởng tới Công ty/ *The issuance or change of new policies, regulations, etc., related to the industry's activities can affect the Company.*

Định hướng phát triển kinh tế du lịch của các địa phương đang làm ảnh hưởng đến hoạt động nuôi trồng thủy sản của Công ty/ *The tourism economic development orientation of localities is affecting the Company's aquaculture activities.*

g/ *Rủi ro khác/ Other risks*

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty/ *Some force majeure risks are unlikely to occur, but if they do, they will impact the Company's business situation.*

Đó là những hiện tượng thiên tai (hạn mặn, bão lụt, động đất, v.v...), dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn/ *These include natural disasters (saline intrusion, storms, floods, earthquakes, etc.), and large-scale serious epidemics.*

II. Tình hình hoạt động trong năm/Operations in the Year

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/Situation of production and business operations

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/Results of business operations in the year:*

+ *Doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng, biên lợi nhuận được cải thiện nhờ kiểm soát tốt chi phí và tối ưu giá vốn/ Revenue and profit maintained growth, with improved margins due to effective cost control and optimization of cost of goods sold.*

+ Cơ cấu sản phẩm chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng sản phẩm giá trị gia tăng, nâng cao hiệu quả kinh doanh/ *Product structure shifted toward higher value-added products, enhancing business efficiency.*

+ Thị trường xuất khẩu được duy trì ổn định tại các thị trường trọng điểm, đồng thời từng bước mở rộng thị trường tiềm năng/ *Export markets remained stable in key regions while gradually expanding into potential markets.*

+ Chuỗi cung ứng nguyên liệu được đảm bảo thông qua vùng nuôi chủ động, góp phần ổn định sản xuất và kiểm soát chi phí/ *Raw material supply was secured through self-managed farming areas, supporting stable production and cost control.*

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan:*

+ Các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận cơ bản đạt và vượt kế hoạch đề ra/ *Revenue and profit targets were generally achieved and exceeded the plan.*

+ Công ty tiếp tục duy trì nền tảng tài chính ổn định, đảm bảo nguồn lực cho hoạt động và kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo/ *The Company maintained a stable financial foundation, ensuring resources for operations and future development plans.*

Bảng: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm và tình hình thực hiện so với kế hoạch
 Table: *Annual Business Performance Results and Implementation Status Compared to the Plan*

Stt No	Chỉ tiêu/Indicator	Kế hoạch năm 2025/ Plan 2025	Thực hiện năm 2025/ Actual 2025	% hoàn thành kế hoạch năm 2025/ % achieved vs Plan 2025
1	Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	650 tỷ đồng/ <i>billion VND</i>	706,82 tỷ đồng/ <i>billion VND</i>	108%
2	Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	98 tỷ đồng/ <i>billion VND</i>	177,57 tỷ đồng/ <i>billion VND</i>	180%

2. Tổ chức và nhân sự/ *Organization and Human resource*

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Management:* (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers.*

+ Ông/Mr Phan Hữu Tài - Tổng Giám đốc/ *General Director*

- Ngày sinh/ *Date of birth:* 04/10/1977

- Nơi sinh/ *Place of birth:* Bến Tre/ *Ben Tre*

- Địa chỉ thường trú/ *Permanent address:* ấp Hữu Nhơn, phường Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long / *Huu Nhon hamlet, Huu Nhon commune, Phu Tan ward, Vinh Long Province.*

- Trình độ chuyên môn:/ *Professional qualification:* Cử nhân kinh tế ngoại thương/ *Bachelor of Foreign Trade Economics*

- Số cổ phần nắm giữ/ *Number of shares held:* 0 cổ phần/ *0 shares*

- Số cổ phần của những người có liên quan/ *Shares held by related persons:*

Bà Trịnh Hồng Nhiên (Vợ) - Số cổ phần nắm giữ: 1.000 cổ phần (0,008% số cổ phần có quyền biểu quyết)/ *Ms. Trinh Hong Nkien (Wife) - Number of shares held: 1,000 shares (0.008% of voting shares)*

+ Ông/Mr Bùi Kim Hiếu - Phó Tổng Giám đốc/ *Deputy General Director*

- Ngày sinh/ *Date of birth:* 28/08/1971

- Nơi sinh/ *Place of birth*: Bến Tre/ *Ben Tre*
- Địa chỉ thường trú/ *Permanent address*: ấp Phú Tân, xã Châu Hòa, tỉnh Vĩnh Long/ *Chau Hoa Commune, Vinh Long Province*
- Trình độ chuyên môn/ *Professional qualification*: Kỹ sư Thủy sản, Cử nhân Quản trị kinh doanh/ *Engineer of Aquaculture, Bachelor of Business Administration*
- Số cổ phần nắm giữ/ *Number of shares held*: 55.088 cổ phần, chiếm 0,468% số cổ phần có quyền biểu quyết/ *55,088 shares (0.468% of voting shares)*
- Số cổ phần của những người có liên quan/ *Shares held by related persons*: Không có/ *None*
- + Bà/Ms Mai Ngọc Linh Phương - Kế toán trưởng / *Chief Accountant*
- Ngày sinh/ *Date of birth*: 29/10/1990
- Nơi sinh/ *Place of birth*: Pleiku, Gia Lai
- Địa chỉ thường trú/ *Permanent address*: ấp Cầu Hòa, xã Lương Hòa, tỉnh Vĩnh Long/ *345, Cau Hoa Hamlet, Luong Hoa Commune, Vinh Long Province*
- Trình độ chuyên môn/ *Professional qualification*: Cử nhân Kế toán/ *Bachelor of Accounting*
- Số cổ phần nắm giữ/ *Number of shares held*: 0 cổ phần/ *0 shares*
- Số cổ phần của những người có liên quan/ *Shares held by related persons*: Không có/ *None*
- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*:
 Trường hợp bổ nhiệm/ *In case of appointment*: Bà/Ms Mai Ngọc Linh Phương
- + Chức vụ được bổ nhiệm/ *Newly appointed position*: Kế toán trưởng/ *Chief Accountant*
- + Ngày bắt đầu có hiệu lực/ *Effective date*: 18/09/2025
- Trường hợp miễn nhiệm/ *In case of dismissal/resignation*: Bà/Ms Nguyễn Thị Hồng Vân
- + Chức vụ trước khi miễn nhiệm/ *Former position in the organization*: Người phụ trách kế toán Công ty/ *Person in charge of accounting of the Company*
- + Ngày bắt đầu có hiệu lực/ *Effective date*: 18/09/2025
- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ *Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.*
- + Số lượng cán bộ, nhân viên/ *Number of employees*: 613 người (đến 31/12/2025)/ *613 people (as of December 31, 2025)*
- + Tóm tắt chính sách/ *Policy summary*: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần/ *The Company fully implements policies and regimes for employees in accordance with legal regulations, ensuring their rights and improving material and spiritual well-being.*
- Các chính sách phúc lợi như khám sức khỏe định kỳ, tham quan nghỉ mát, chế độ thai sản và các hỗ trợ khác được duy trì ổn định, góp phần nâng cao sự gắn kết và thu hút nguồn nhân lực/ *Welfare policies such as periodic health check-ups, company trips, maternity benefits, and other supports are maintained, contributing to employee engagement and talent attraction.*
- + Thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ *Changes in policies for employees*:
 Tiếp tục cải thiện thu nhập và điều kiện làm việc, nâng cao năng suất và sự gắn bó của người lao động/ *Continued improving employee income and working conditions to enhance productivity and engagement.*
- Tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng cho người lao động/ *Strengthened training programs to improve employees' professional qualifications and skills.*
- 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ *Investment activities, project implementation*
- a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*:
 - Công ty triển khai các hạng mục nâng cấp máy móc, thiết bị và cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất; các hạng mục đầu tư này góp phần cải thiện năng lực sản xuất, tối ưu chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty/ *The Company implemented upgrading items for machinery, equipment and infrastructure to improve productivity and operational efficiency; these investment items contributed to enhancing production capacity, optimizing costs and strengthening the Company's competitiveness.*

- Các hạng mục đầu tư được thực hiện đúng tiến độ, phù hợp với kế hoạch và nhu cầu phát triển của Công ty/*Investment items were implemented on schedule, in line with the Company's plans and development needs.*

- Không phát sinh trường hợp chào bán chứng khoán để thực hiện dự án trong năm/*No public offering of securities was conducted for project investment during the year.*

b) Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies:*

- Công ty liên kết/*Associated company:* không có/*none.*

- Công ty con/*Subsidiary:* Công ty TNHH Thủy sản công nghệ cao AQUATEX BEN TRE/*AQUATEX BENTRE High-tech Fisheries Co., Ltd.*

Công ty con hoạt động chuyên về sản xuất cá tra giống với tình hình tài chính lành mạnh/*The subsidiary specializes in producing pangasius fingerlings with a healthy financial situation.*

4. Tình hình tài chính/*Financial situation*

a) Tình hình tài chính/*Financial situation*

Chỉ tiêu/Indicators	Năm/Year 2025	Năm/Year 2024	% tăng, giảm/ % change
Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	902.113.088.160	773.847.842.386	+16,56%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	706.820.982.685	583.491.023.422	+21,16%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from business activities</i>	176.867.983.367	113.010.132.895	+56,47%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	704.291.632	213.762.172	+229,46%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	177.572.274.999	113.223.895.067	+56,84%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	157.974.316.422	101.488.892.957	+55,66%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	26,66%	39,35%	-32,25%

b) Các chỉ tiêu khác/*Other figures:* Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial indicators:*

Chỉ tiêu/Indicators	Năm/Year 2025	Năm/Year 2024	Ghi chú/ Note
1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio:</i>			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)	2,58	2,26	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio:</i>			
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset – Inventories</i>)/ <i>Short term Debt</i>	2,09	1,64	
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	25,58%	27,30%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>)	34,37%	37,55%	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/Operation capability Ratio</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i>			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	4,54	4,25	
+ Vòng quay tổng tài sản/ <i>Total asset turnover:</i>			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (<i>Net revenue/Average Total Assets</i>)	0,84	0,82	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/Profitability</i>			

+Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/Net revenue Ratio</i>)	22,35%	17,39%	
+Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/total capital Ratio</i>)	25,6%	19,27%	
+Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/Total assets Ratio</i>)	18,85%	14,24%	
+Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/Net revenue Ratio</i>)	25,03%	19,37%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/Shares:

- Số lượng cổ phần đang lưu hành/ Number of outstanding shares: 11.777.257 cổ phần/ 11,777,257 shares

- Loại cổ phần đang lưu hành/ Type of outstanding shares: cổ phần phổ thông/ Common shares

- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng/ Number of restricted shares: 0 cổ phần/ 0 shares

- Số lượng cổ phiếu quỹ/ Number of treasury shares: 2.609.950 cổ phần/ 2,609,950 shares

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do/ Number of freely transferable shares: 11.777.257 cổ phần/ 11,777,257 shares

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:

Theo Bảng cơ cấu cổ đông (tại ngày 20/03/2025):/ According to the Shareholder Structure Table. (as of March 20, 2025):

Stt No.	Đối tượng/ Subject	Số lượng cổ phiếu/ No. of Shares	Tỷ lệ sở hữu (%) / Ownership (%)	Số lượng cổ đông/ No. of Shareholders	Cơ cấu cổ đông/ Shareholder Structure	
					Tổ chức/ Org.	Cá nhân/ Ind.
1	Cổ đông Nhà nước/ State	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/FDI/ Founder/FDI	-	-	-	-	-
	- Trong nước/ Domestic	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài/ Foreign	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn/ Major	10.245.785	71,21	2	1	1
	- Trong nước/ Domestic	10.245.785	71,21	2	1	1
	- Nước ngoài/ Foreign	-	-	-	-	-
4	Công đoàn Công ty/ Union	-	-	-	-	-
	- Trong nước/ Domestic	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài/ Foreign	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ/ Treasury	2.609.950	18,14	1	1	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi/ Preferred					
7	Cổ đông khác/ Other	1.531.472	10,65	1.106	26	1.080
	- Trong nước/ Domestic	1.217.701	8,47	1.003	12	991
	- Nước ngoài/ Foreign	313.771	2,18	103	14	89
TỔNG CỘNG/ TOTAL		14.387.207	100,00	1.109	28	1.081
Trong đó: - Trong nước/ Domestic Within which:		14.116.188	97,82	1.006	14	992
- Nước ngoài/ Foreign		271.019	2,18	103	14	89

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50% theo Điều lệ Công ty/ The maximum foreign ownership ratio in the Company is 50%.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company

6.1. Tác động lên môi trường/ Impact on environment:

- Tiếp tục tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Continue strict compliance with legal regulations on environmental protection.*

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/ *Total direct and indirect GHG emission: 5.782 tấn CO2 phát thải/ 5,782 tons of CO2 emitted.*

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ *Measures and initiatives to reduce GHG emission.*

+ Sắp xếp lại dây chuyền sản xuất để tiêu thụ ít năng lượng hơn, giảm phát thải khí nhà kính/ *Rearrange production lines to consume less energy, reducing greenhouse gas emissions.*

+ Nâng cấp trang thiết bị, công nghệ làm giảm tiêu thụ năng lượng/ *Upgrade equipment and technology to reduce energy consumption.*

+ Tăng cường sử dụng các loại nhiên liệu tái tạo, nhiên liệu thân thiện môi trường/ *Increase the use of renewable and environmentally friendly fuels.*

+ Tuyên truyền tiết kiệm năng lượng, nguyên vật liệu sản xuất có thể làm gia tăng chất thải hữu cơ và phát thải khí nhà kính/ *Promote saving energy and production materials that can increase organic waste and greenhouse gas emissions.*

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Management of raw materials:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

Thùng carton: 456 tấn; Túi PA-PE: 86 tấn; Túi PE: 81 tấn/ *Cardboard boxes: 456 tons; PA-PE bags: 86 tons; PE bags: 81 tons.*

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization. Không có/ None.*

6.3. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

Điện: 7.046.290 kWh; Xăng: 7.000 lít; Dầu FO: 97.652 lít; Dầu DO: 118.786 lít.

Electricity: 7.046.290 kWh; Gasoline: 7.000 liters; FO Oil: 97.652 liters; DO Oil: 118.786 liters.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy. Không có/ None.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng/ *The report on energy saving initiatives: Không có/ None.*

6.4. Tiêu thụ nước/ *Water consumption:*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

Nguồn cung cấp nước cho chế biến thủy sản: nước ngầm; Lượng nước sử dụng: 175.286 m³ / *Water source for seafood processing: groundwater; Water consumption: 175,286 m3.*

Nguồn cung cấp nước cho nuôi thủy sản: nước sông/ *Water source for aquaculture: river water;*

Lượng nước sử dụng/ *Water consumption: 3.000.000 m³/ 3,000,000 m³*

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused: 10%*

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment. Không có/None.*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment. Không có/ None.*

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/*Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/*Number of employees, average wages of workers.*

Số lượng lao động/*Number of employees: 613 người/ 613 people*; mức lương trung bình đối với người lao động/*average salary per employee: 13.760.000 đồng/người/tháng/13,760,000 VND/person/month*

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

Công ty thực hiện các chế độ chính sách theo đúng các quy định của pháp luật, chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe cho người lao động/*The Company implements policies and regimes in accordance with legal regulations, taking good care of the material, spiritual life, and health of employees.*

Chính sách phúc lợi và các đãi ngộ khác như khám sức khỏe định kỳ, cấp tiền tham quan nghỉ mát, chính sách thai sản,... cũng được Công ty thực hiện tốt nhằm thể hiện sự gắn kết, quan tâm của Công ty đối với người lao động và nâng cao tính cạnh tranh về nhân lực của Công ty/*Welfare policies and other benefits such as periodic health check-ups, allowances for company trips, maternity policies, etc., are also well implemented by the Company to show connection, care for employees, and enhance the Company's human resource competitiveness.*

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff: 18h/năm (quản lý: 12h/năm; công nhân sản xuất trực tiếp: 19h/năm)/ 18h/year (management: 12h/year; direct production workers: 19h/year).*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development. Không có/None.*

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/*Report on responsibility for local community.*

Tài trợ kinh phí xây dựng cơ sở vật chất Trường THPT Trần Văn Ôn, phần thưởng cho học sinh giỏi, đóng góp kinh phí tạo học bổng cho học sinh mù và học sinh con người mù khó khăn, tặng quà Tết cho Hội người mù Bến Tre, gia đình chính sách tại các xã Công ty có nhà máy, trang trại tọa lạc,.../*Sponsoring facilities for Tran Van On High School; rewarding excellent students; contributing to scholarship funds for blind students and those from underprivileged blind families; and providing Lunar New Year gifts for the Ben Tre Association of the Blind and policy-beneficiary families in localities where the Company's factories and farms are situated*

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/*Report on green capital market activities under the guidance of the SSC. Không có/None.*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/*Reports and assessments of the Board of Management*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/*Assessment of operating results*

Tiếp tục phát huy hiệu quả chuỗi sản xuất khép kín, đẩy mạnh cải tiến công nghệ và tăng cường quản trị chi phí, qua đó đạt mức tăng trưởng cao về doanh thu và lợi nhuận, củng cố vị thế trên thị trường xuất khẩu/*Continue to maximize the efficiency of the integrated production chain, drive technological innovation, and strengthen cost management to achieve high growth in revenue and profit, while solidifying our position in export markets.*

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements:*

+ Nâng cao hiệu quả nuôi trồng, mở rộng diện tích, tăng sản lượng và cải thiện các chỉ tiêu kỹ thuật (FCR, tỷ lệ sống)/ *Enhanced farming efficiency, expanded farming area, increased output, and improved key technical indicators (FCR, survival rate).*

+ Tăng sản lượng chế biến nhờ cải tiến công nghệ, tự động hóa và tối ưu quy trình sản xuất, góp phần giảm giá thành/ *Increased processed output through technological improvements, automation, and process optimization, contributing to cost reduction.*

+ Doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng mạnh, biên lợi nhuận cải thiện nhờ kiểm soát tốt giá vốn và chi phí vận hành/ *Strong growth in revenue and profit, with improved profit margins due to effective control of cost of goods sold and operating expenses.*

+ Tăng cường hệ thống quản trị, kiểm soát nội bộ và duy trì các chứng nhận quốc tế, đáp ứng yêu cầu khắt khe của khách hàng/ *Strengthened governance and internal control systems, while maintaining international certifications to meet stringent customer requirements.*

+ Đầu tư nâng cấp thiết bị, cải thiện hiệu quả vận hành và điều kiện làm việc, góp phần nâng cao năng suất lao động/ *Invested in equipment upgrades, improved operational efficiency and working conditions, contributing to higher labor productivity.*

- Định hướng phát triển/ *Development orientation:*

+ Tối ưu hóa chuỗi giá trị khép kín từ nuôi trồng – chế biến – xuất khẩu nhằm nâng cao hiệu quả và kiểm soát chi phí/ *Optimize the integrated value chain from farming to processing and export to enhance efficiency and cost control.*

+ Đầu tư công nghệ tự động hóa và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh/ *Promote investment in technology, automation and digital transformation to improve productivity and competitiveness.*

+ Phát triển sản phẩm giá trị gia tăng và chế biến sâu, tập trung vào các dòng sản phẩm cao cấp, ổn định đầu ra và cải thiện biên lợi nhuận/ *Develop value-added and deep-processed products, focusing on premium product lines to stabilize output markets and improve profit margins.*

+ Mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, củng cố thị trường trọng điểm và phát triển thị trường tiềm năng/ *Expand and diversify export markets, strengthen key markets and develop potential markets.*

+ Nâng cao năng lực kiểm soát rủi ro và phát triển bền vững gắn với trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Enhance, risk management and sustainable development associated with environmental and social responsibility.*

2. Tình hình tài chính/*Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/*Assets*

- Tài sản ngắn hạn/ *Short-term assets:*

Tổng tài sản ngắn hạn cuối năm 2025 đạt 554,71 tỷ đồng, tăng 25,1% so với đầu năm (443,29 tỷ đồng). Động lực chính đến từ gia tăng đầu tư tài chính ngắn hạn (từ 213,63 tỷ lên 375,16 tỷ đồng), cho thấy công ty quản lý dòng tiền nhân rồi hiệu quả. / *Total short-term assets as at year-end 2025 reached VND 554.71 billion, up 25.1% compared to the beginning of the year (VND 443.29 billion). The increase was mainly driven by higher short-term financial investments (from VND 213.63 billion to VND 375.16 billion), reflecting the Company's proactive and efficient cash management*

Hiệu quả sử dụng vốn lưu động được cải thiện rõ rệt trên cả 3 cấu phần:/ *Working capital efficiency improved significantly across all three key components:*

+ Hàng tồn kho / *Inventory:* Vòng quay đạt 4,54 lần (+22,4% YoY), tương ứng 80 ngày tồn kho (giảm từ 86 ngày), phản ánh quản trị sản xuất – bán hàng đồng bộ, giảm tồn đọng và rủi ro giá hàng tồn kho. / *Inventory turnover reached 4.54 times (+22.4% YoY), equivalent to 80 days of inventory (down from 86 days), reflecting synchronized production and sales management, reducing inventory backlog and price risk exposure.*

+ Khoản phải thu / *Receivables*: Vòng quay đạt 16,07 lần, tương đương 23 ngày thu tiền, duy trì ở mức tốt, không ghi nhận dấu hiệu kéo dài công nợ hoặc rủi ro tín dụng. / *Receivables turnover reached 16.07 times, equivalent to 23 collection days, remaining at a healthy level with no signs of extended credit terms or increased credit risk.*

+ Chu kỳ chuyển đổi tiền / *Cash Conversion Cycle (CCC)*: Rút ngắn từ 99 ngày xuống 92 ngày giúp giải phóng đáng kể vốn lưu động, trực tiếp cải thiện dòng tiền và giảm nhu cầu vay ngắn hạn. / *The cash conversion cycle shortened from 99 days to 92 days, releasing a significant amount of working capital, thereby improving cash flow and reducing reliance on short-term borrowings.*

- Tài sản dài hạn/ *Long-term assets*:

Tổng tài sản dài hạn cuối năm 2025 đạt 347,39 tỷ đồng, tăng nhẹ 5,1% so với đầu năm (330,56 tỷ đồng), chủ yếu do tăng chi phí trả trước dài hạn (từ 16,83 tỷ lên 29,84 tỷ) và đầu tư xây dựng cơ bản (từ 0,14 tỷ lên 5,39 tỷ). / *Total long-term assets reached VND 347.39 billion, up slightly by 5.1% compared to the beginning of the year (VND 330.56 billion), mainly due to increases in long-term prepaid expenses (from VND 16.83 billion to VND 29.84 billion) and construction-in-progress (from VND 0.14 billion to VND 5.39 billion).*

Hiệu suất sử dụng tài sản cố định đạt 6,04 lần, tăng 21% so với năm 2024 (4,99 lần), cho thấy khoản đầu tư trước đó đi vào khai thác hiệu quả, đúng trọng tâm. / *Fixed asset turnover reached 6.04 times, up 21% compared to 2024 (4.99 times), indicating that prior investments have been effectively deployed and aligned with operational needs.*

b) Tình hình nợ phải trả/ *Debt Payable*:

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

Tổng nợ phải trả cuối năm 2025 là 230,77 tỷ đồng, tăng 9,2% so với đầu năm (211,25 tỷ đồng), chủ yếu do: / *Total liabilities as at year-end 2025 amounted to VND 230.77 billion, up 9.2% compared to the beginning of the year (VND 211.25 billion), mainly due to:*

+ Vay ngắn hạn tăng từ 131,14 tỷ lên 137,51 tỷ đồng (+4,9%) phục vụ nhu cầu vốn lưu động/ *An increase in short-term borrowings from VND 131.14 billion to VND 137.51 billion (+4.9%) to support working capital needs*

+ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng từ 11,74 tỷ lên 18,09 tỷ đồng (+54,1%) do kết quả kinh doanh tích cực/ *Taxes and other payables to the State increased from VND 11.74 billion to VND 18.09 billion (+54.1%) in line with improved business performance*

Cơ cấu nợ lành mạnh với: / *The Company maintains a healthy capital structure with:*

+ Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu (D/E): 0,34 lần (năm trước 0,38 lần) cho thấy công ty không phụ thuộc quá mức vào vốn vay / *Debt-to-equity ratio of 0.34x (vs. 0.38x last year), indicating low reliance on debt financing*

+ Tỷ lệ nợ trên tổng tài sản: 25,6% (năm trước 27,3%) phản ánh công ty ít sử dụng đòn bẩy nợ, từ đó giảm áp lực trả nợ và tạo biên an toàn cao trong quản trị rủi ro. / *Debt-to-total assets ratio of 25.6% (vs. 27.3% last year), reflecting conservative leverage and a strong safety margin*

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.*

+ Về nợ phải trả quá hạn: / *Overdue payables*: Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ quá hạn nào trong năm 2025. Các chỉ số thanh khoản ở mức an toàn: hệ số thanh toán hiện hành đạt 2,58 lần (tài sản ngắn hạn gấp 2,6 lần nợ ngắn hạn), hệ số thanh toán nhanh đạt 2,09 lần (không phụ thuộc vào hàng tồn kho). Các chỉ số này khẳng định khả năng chi trả các khoản nợ đến hạn là hoàn toàn trong tầm kiểm soát. / *The Company did not record any overdue payables in 2025. Liquidity indicators remained at prudent and safe levels, with the current ratio at 2.58x and the quick ratio at 2.09x, indicating that current assets were sufficient to cover short-term obligations without reliance on inventories. These indicators demonstrate that the Company maintained a sound liquidity position and that its capacity to meet due liabilities remained well under control.*

+ Về ảnh hưởng của lãi vay: / *Interest expense*: Chi phí lãi vay năm 2025 là 4,59 tỷ đồng, chỉ chiếm 2,6% lợi nhuận trước thuế, không tạo áp lực tài chính. Khả năng thanh toán lãi vay (ICR) đạt 39,7 lần, cho thấy công ty dễ dàng đáp ứng nghĩa vụ lãi vay ngay cả khi lãi suất thị trường có biến

động./ *Interest expense in 2025 amounted to VND 4.59 billion, accounting for only 2.6% of profit before tax, and did not create financial pressure. The interest coverage ratio (ICR) reached 39.7x, indicating that the Company is well capable of meeting its interest obligations even amid fluctuations in market interest rates.*

+ Về ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá:/ *Foreign exchange impact: Công ty ghi nhận lãi tỷ giá 6,63 tỷ đồng, đóng góp 4,2% vào lợi nhuận sau thuế. So với năm trước (5,68%), tỷ trọng này đang có xu hướng giảm dần, phản ánh lợi nhuận từ hoạt động cốt lõi đang chiếm ưu thế, giúp công ty không phụ thuộc vào các yếu tố bất định như biến động tỷ giá. Bên cạnh đó, tỷ giá bình quân năm 2025 có xu hướng tăng so với năm 2024, góp phần hỗ trợ kết quả ghi nhận lãi tỷ giá trong kỳ./ The Company recorded a foreign exchange gain of VND 6.63 billion, contributing 4.2% to profit after tax. Compared to the previous year (5.68%), this proportion has shown a declining trend, indicating that earnings from core operations are becoming more dominant, thereby reducing reliance on volatile factors such as exchange rate movements. In addition, the average exchange rate in 2025 increased compared to 2024, which partly supported the recognition of foreign exchange gains during the period.*

Với nền tảng tài chính vững chắc, không có nợ quá hạn, chi phí lãi vay ở mức thấp, và ảnh hưởng từ tỷ giá không mang tính quyết định, công ty hoàn toàn chủ động trong việc đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, đồng thời có dư địa lớn để huy động thêm vốn vay khi có cơ hội đầu tư sinh lời cao./ *With a solid financial foundation, no overdue liabilities, low interest expense, and non-material impact from exchange rate fluctuations, the Company remains fully capable of meeting its due obligations while maintaining significant headroom to raise additional debt for high-return investment opportunities.*

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/Improvements in organizational structure, policies, and management.*

- Chuẩn hóa hệ thống quản trị và tăng cường kiểm soát nội bộ, nâng cao hiệu quả điều hành toàn Công ty/ *Standardized governance systems and strengthened internal controls to enhance overall management effectiveness.*

- Nâng cao năng lực quản trị rủi ro và minh bạch, tiệm cận chuẩn mực quản trị của doanh nghiệp niêm yết/ *Enhanced risk management and transparency, aligning with listed company governance standards.*

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và tự động hóa trong quản lý nhằm tối ưu chi phí và nâng cao hiệu suất vận hành/ *Accelerated digitalization and automation in management to optimize costs and improve operational efficiency.*

- Duy trì và nâng cấp hệ thống tiêu chuẩn quốc tế, củng cố nền tảng quản trị bền vững và năng lực cạnh tranh/ *Maintained and upgraded international standards, strengthening sustainable governance and competitiveness.*

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in future*

- Tối ưu hóa chuỗi sản xuất khép kín từ nuôi trồng – chế biến – xuất khẩu nhằm nâng cao hiệu quả và kiểm soát chi phí toàn diện/ *Optimize the integrated value chain from farming to processing and export to enhance efficiency and overall cost control.*

- Đẩy mạnh tự động hóa, chuyển đổi số và đầu tư công nghệ nhằm nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh/ *Accelerate automation, digital transformation, and technology investment to improve productivity and competitiveness.*

- Tập trung phát triển sản phẩm giá trị gia tăng và chế biến sâu để gia tăng biên lợi nhuận/ *Focus on developing value-added and deep-processed products (especially sushi, breaded, and premium products) to enhance profit margins.*

- Mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, củng cố thị trường trọng điểm đồng thời phát triển thị trường tiềm năng/ *Expand and diversify export markets, strengthening key markets while developing new potential markets.*

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không có/None.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/*Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/*Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.)*.

Công ty tiếp tục tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, triển khai các giải pháp sản xuất xanh, tối ưu hóa sử dụng năng lượng và xử lý 100% nước thải đạt chuẩn, hướng đến mô hình kinh tế tuần hoàn/*The Company continued to strictly comply with environmental regulations, implemented green production solutions, optimized energy usage, and ensured 100% wastewater treatment meeting standards, moving towards a circular economy model.*

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Assessment concerning the labor issues*

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định pháp luật, đồng thời cải thiện thu nhập, điều kiện làm việc và phúc lợi, góp phần ổn định nguồn nhân lực và nâng cao năng suất lao động/*The Company fully complied with labor policies in accordance with legal regulations, while improving income, working conditions, and employee welfare, contributing to workforce stability and productivity enhancement.*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community*

Công ty tiếp tục duy trì trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương thông qua các hoạt động hỗ trợ xã hội, phát triển bền vững và đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và cộng đồng/*The Company continued to uphold its responsibility to the local community through social support activities, sustainable development initiatives, and ensuring a balance between corporate and community interests.*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty /*Assessments of the Board of Directors on the Company's operation*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/*Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty duy trì tăng trưởng tích cực, thích ứng linh hoạt với biến động thị trường và đạt vượt kế hoạch đề ra/*In 2025, the Company's production and business activities maintained positive growth, flexibly adapting to market fluctuations and exceeding planned targets.*

Công ty triển khai hiệu quả các giải pháp đồng bộ từ nuôi trồng, chế biến đến kinh doanh và quản trị, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh/*The Company effectively implemented synchronous solutions across farming, processing, business, and governance, thereby improving operational efficiency and competitiveness.*

Công ty duy trì nền tảng tài chính lành mạnh, tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, đồng thời thực hiện tốt trách nhiệm về môi trường và xã hội/*The Company maintained a sound financial foundation, achieved growth in revenue and profit, and effectively fulfilled its environmental and social responsibilities.*

Việc tuân thủ nghiêm các tiêu chuẩn quốc tế và quy định pháp luật, cùng với hệ thống quản trị minh bạch đã củng cố vị thế và uy tín của Công ty trên thị trường/*Strict compliance with international standards and legal regulations, along with transparent governance, strengthened the Company's position and reputation in the market.*

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty/*Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance*

Ban Tổng Giám đốc công ty đã triển khai đầy đủ, đúng hạn các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT, tuân thủ chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty/ *The Company's Board of Management fully and timely implemented the resolutions of the GMS and BOD, adhering to the functions and tasks outlined in the Company Charter.*

Hoạt động sản xuất kinh doanh được điều hành an toàn, hiệu quả, đạt các mục tiêu đề ra/ *Production and business activities were managed safely and effectively, achieving the set objectives.*

Ban Tổng Giám đốc công ty đã tuân thủ tốt các quy định pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng quản trị/ *The Company's Board of Management complied well with legal regulations, the Charter, and internal regulations, contributing to improving governance quality.*

Ban Tổng Giám đốc phối hợp chặt chẽ với HĐQT, nâng cao hiệu quả quản trị và kiểm soát hoạt động toàn Công ty/ *The Board of Management closely coordinated with the BOD, enhancing governance effectiveness and overall operational control.*

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/*Plans and orientations of the Board of Directors*

- Tập trung nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị và phát triển bền vững/ *Focus on enhancing value chain efficiency and sustainable development.*

- Đẩy mạnh đầu tư công nghệ, tự động hóa và chuyển đổi số trong quản trị và sản xuất/ *Promote investment in technology, automation, and digital transformation in management and production.*

- Phát triển sản phẩm giá trị gia tăng và mở rộng thị trường xuất khẩu/ *Develop value-added products and expand export markets.*

- Tăng cường quản trị rủi ro và nâng cao chuẩn mực quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế/ *Strengthen risk management and improve corporate governance standards in line with international practices.*

- Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2026/ *Implement the 2026 business plan:*

+ Doanh thu thuần/ *Net revenue: 770 tỷ đồng/ VND 770 billion*

+ Lợi nhuận trước thuế/ *Profit before tax: 185 tỷ đồng/ VND 185 billion*

+ Chia cổ tức/ *Dividend payout: 50 - 100%*

+ Trích quỹ phúc lợi/ *Welfare fund appropriation: 5% lợi nhuận sau thuế/ 5% of profit after tax*

V. Quản trị công ty/*Corporate governance*

1. Hội đồng quản trị/*Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors:*

Stt No.	Cơ cấu Hội đồng quản trị <i>Structure of the Board of Directors</i>	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết/ <i>Ownership percentage of voting shares</i>	Thành viên HĐQT <i>/Members</i>		Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác/ <i>the quantity of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies</i>
			Không điều hành/ <i>Not executive</i>	Độc lập <i>Independent members</i>	
1	Ông/Mr Nguyễn Văn Khải - Chủ tịch HĐQT	0%	X		5
2	Ông/Mr Phan Hữu Tài	0%			0
3	Ông/Mr Hồ Quốc Lực	0%	X	X	2

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Directors*: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*:

- Hoạt động của HĐQT/*Activities of the Board of Directors*:

+ Lập và giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025, đảm bảo hoàn thành và vượt các chỉ tiêu đề ra/*Prepared and supervised the implementation of the 2025 business plan, ensuring achievement and exceeding of targets.*

+ Tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên ngày 19/4/2025/*Successfully organized the Annual General Meeting of Shareholders on April 19, 2025.*

+ Giám sát việc lập và hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty với công ty con/*Supervised the preparation and consolidation of the Company's financial statements with its subsidiary.*

+ Giám sát hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc, đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả/*Supervised the management activities of the General Director, ensuring safe and efficient operations.*

+ Giám sát các hoạt động đầu tư, tài chính và quản trị rủi ro của Công ty/*Supervised the Company's investment, financial and risk management activities.*

- Các cuộc họp HĐQT/*Meetings of the Board of Directors*:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Director' member</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>
1	Ông/Mr Nguyễn Văn Khải	5/5	100%	
2	Ông/Mr Phan Hữu Tài	5/5	100%	
3	Ông/Mr Hồ Quốc Lực	5/5	100%	

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of the Board of Directors' independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees*:

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập/*Activities of independent BOD members*:

+ Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐ và HĐQT/*Supervised the implementation of GMS and BOD resolutions.*

+ Giám sát hoạt động điều hành, tình hình tài chính và hiệu quả sản xuất kinh doanh/*Supervised management activities, financial status, and business performance.*

+ Giám sát hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ/*Supervised risk management and internal control systems.*

+ Phân tích, phản biện và tham vấn các quyết sách của Ban Điều hành, đảm bảo tính khách quan và minh bạch/*Analyzed, reviewed, and consulted on management decisions to ensure objectivity and transparency.*

+ Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị và kiểm soát rủi ro/*Proposed solutions to improve governance effectiveness and risk control.*

- Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees*:

HĐQT không thành lập các tiểu ban do cơ cấu tổ chức Công ty được tổ chức theo hướng tích hợp các chức năng kiểm soát, quản trị rủi ro vào chính các phòng nghiệp vụ/*The BOD did not establish subcommittees as the Company's organizational structure integrates control and risk management functions directly into the operational departments.*

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Hồ Quốc Lực phụ trách vấn đề lương thưởng, nhân sự/
Independent BOD member Ho Quoc Luc is in charge of remuneration and personnel matters.

- Đánh giá của các thành viên HĐQT độc lập/ *Assessment by independent BOD members:*

Qua đánh giá, thành viên HĐQT độc lập nhận thấy HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng giám sát và định hướng chiến lược, đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn lực và đạt mục tiêu đề ra/
Through assessment, independent members concluded that the BOD fully performed its supervisory and strategic role, ensuring effective use of resources and achievement of targets.

Các quyết định của HĐQT được thực hiện trên cơ sở tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm/
BOD decisions were made in compliance with laws and the Company Charter, ensuring transparency and accountability.

HĐQT duy trì phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành, đảm bảo hoạt động được giám sát hiệu quả và điều chỉnh kịp thời theo thực tế/
The BOD maintained close coordination with the Executive Board, ensuring effective supervision and timely adjustments in line with actual conditions.

- Các phòng ban thực hiện cung cấp thông tin cho HĐQT thông qua Thư ký Công ty theo quy định/
Departments provide information and reports to the BOD through the Company Secretary as required.

HĐQT phân công các thành viên phụ trách từng lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả giám sát và quản trị/
The BOD assigns members to oversee specific areas to enhance supervision and governance effectiveness.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/
The list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.

- Thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty/ *BOD member with corporate governance training certificate: Ông/Mr Nguyễn Văn Khải.*

- Thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/ *BOD members participating in corporate governance programs during the year: Không có/ None*

2. Ban Kiểm soát/Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors:*

Stt No.	Thành viên Ban Kiểm soát <i>Members of the Board of Supervisors</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết/ <i>Ownership percentages of voting shares</i>
1	Bà/Ms Đặng Thị Bích Liên	Trưởng BKS/ <i>Head of the Supervisory Board</i>	0,006%
2	Ông/Mr Nguyễn Văn Nguyên	Thành viên/ <i>Member</i>	0%
3	Ông/Mr Lương Ngọc Thái	Thành viên/ <i>Member</i>	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors:*

- Thành viên BKS kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính hàng quý, việc tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHCĐ, hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, chính sách cho người lao động, mua sắm máy móc và các vấn đề có liên quan/
BOS members inspect and supervise business operations, quarterly financial situation, compliance with the Law on Enterprises, Company Charter, GMS Resolutions, activities of the BOD and Board of Management, employee policies, machinery procurement, and related matters.

- Cuộc họp của BKS/*Meetings of Board of Supervisors:*

Stt No.	Thành viên BKS/ <i>Members of Board of Supervisors</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Bà/Ms Đặng Thị Bích Liên	4/4	100%	100%	
2	Ông/Mr Nguyễn Văn Nguyên	4/4	100%	100%	
3	Ông/Mr Lương Ngọc Thái	4/4	100%	100%	

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/*Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/Audit Committee*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits:*

Stt No	Họ tên/ <i>Name</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác <i>Salary, rewards, remuneration and benefits</i>
1	Ông/Mr Nguyễn Văn Khải	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the Board of Directors</i>	1.860.000.000
2	Ông/Mr Phan Hữu Tài	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc <i>Member/General Director</i>	7.809.488.866
3	Ông/Mr Hồ Quốc Lực	Thành viên HĐQT/ <i>Member</i>	830.000.000
4	Ông/Mr Bùi Kim Hiếu	Phó Tổng Giám đốc/ Người CBTT/Cán bộ quản trị <i>Deputy General Director/ Information Disclosure Person In charge of administration</i>	1.850.610.401
5	Bà/Ms Đặng Thị Bích Liên	Trưởng BKS <i>Head of the Supervisory Board</i>	366.441.550
6	Ông/Mr Nguyễn Văn Nguyên	Thành viên BKS <i>Member of the Supervisory Board</i>	348.000.000
7	Ông/Mr Lương Ngọc Thái	Thành viên BKS <i>Member of the Supervisory Board</i>	156.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal shareholders:* Không có/*None*

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders:*

Stt / No	Người thực hiện giao dịch/ <i>Transaction executor</i>	Số giấy NSH/ <i>Business Registration Certificate No</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Nội dung giao dịch/ <i>Content of transaction</i>	Giá trị giao dịch/ <i>Total value of transaction (VND)</i>
1	Công ty CP Phân phối hàng tiêu dùng PAN/PANCG	1101912597	Lô A1/1-9 Đường VL 3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh/ <i>Lot A1/1-9, VL 3 Road, Vinh Loc 2 Industrial Park, My Yen Commune, Tay Ninh Province</i>	Mua hàng và dịch vụ/ <i>Purchases and services</i>	54.207.222

2	Công ty CP Thủy Sản 584 Nha Trang/ 584 NHATRANG SEACOM	4200636551	1210 Lê Hồng Phong - P. Nam Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa / 1210 Le Hong Phong - Nam Nha Trang Ward - Khanh Hoa Province	Mua hàng và dịch vụ/ Purchases and services	47.158.160
3	Công ty CP Thực phẩm Sao Ta/ FIMEX VN	2200208753	750 Võ Văn Kiệt, Phường Phú Lợi, TP Cần Thơ / 750 Vo Van Kiet, Phu Loi Ward, Can Tho City	Bán hàng và dịch vụ/ Purchases and services	832.648.400
4	Công ty CP Thực phẩm Sao Ta/ FIMEX VN	2200208753	750 Võ Văn Kiệt, Phường Phú Lợi, TP Cần Thơ / 750 Vo Van Kiet, Phu Loi Ward, Can Tho City	Mua hàng và dịch vụ/ Purchases and services	2.267.944.000
5	Công ty CP Thực phẩm Khang An/ KHANG AN FOODS	2200780985	Lô B, Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Ninh, TP Cần Thơ / Lot B, An Nghiep Industrial Park, An Ninh Commune, Can Tho City	Mua hàng và dịch vụ/ Purchases and services	19.840.000
6	Công ty CP Thực phẩm Khang An/ KHANG AN FOODS	2200780985	Lô B, Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Ninh, TP Cần Thơ / Lot B, An Nghiep Industrial Park, An Ninh Commune, Can Tho City	Bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Sales and service provision	472.890.000
7	Công ty CP Cà phê Golden Beans/ Golden Beans Coffee JSC	0314681060	27 Lưu Văn Lang, Phường Bến Thành, TP Hồ Chí Minh / 27 Luu Van Lang, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City	Mua hàng và dịch vụ/ Purchases and services	7.924.075
8	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam/VFC	0302327629	29 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh/ 29 Ton Duc Thang Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City	Mua hàng và dịch vụ/ Purchases and services	19.600.000
9	Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao AQUATEX BENTRE/ABT HIGH-TECH CO., LTD	1301083932	Ấp 9 (thửa đất số 113, tờ bản đồ số 09), xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long / Hamlet 9 (land lot No. 113, map sheet No. 09), Phu Tuc Commune, Vinh Long Province	Bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Sales and service provision	1.222.257.705
10	Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao AQUATEX	1301083932	Ấp 9 (thửa đất số 113, tờ bản đồ số 09), xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long / Hamlet 9 (land lot No.	Mua hàng và dịch vụ/ Purchases and services	826.739.233

	BENTRE/ABT HIGH-TECH CO., LTD		113, map sheet No. 09), Phu Tuc Commune, Vinh Long Province		
11	Công ty CP Tập đoàn PAN/ The PAN Group	313041011	81B - Quốc lộ 62, Phường Long An, Tỉnh Tây Ninh / 81B - Highway 62, Long An Ward, Tay Ninh Province	Chia cổ tức/Pay dividends	27.018.087.000
12	Ông/Mr Lương Thanh Tùng	082074009223	37 Nguyễn An Ninh, Phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp / 37 Nguyen An Ninh, My Tho Ward, Dong Thap Province	Chia cổ tức/Pay dividends	3.719.268.000
13	Công ty CP Thực phẩm Sao Ta/FIMEX VN	2200208753	750 Võ Văn Kiệt, Phường Phú Lợi, TP Cần Thơ / 750 Vo Van Kiet, Phu Loi Ward, Can Tho City	Nhận cổ tức /Receive dividends	16.178.000.000

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/Assessing the implementation of regulations on corporate governance:

Trong năm 2025, Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về quản trị công ty, đặc biệt là các quy định về công bố thông tin theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/In 2025, the Company fully complied with regulations on corporate governance, particularly information disclosure requirements under Circular 96/2020/TT-BTC, regulations of the Ho Chi Minh City Stock Exchange, and the State Securities Commission.

Các thông tin liên quan đến quản trị công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh và các thông tin bất thường đều được công bố đầy đủ, đúng thời hạn, đảm bảo tính minh bạch và quyền lợi của cổ đông và nhà đầu tư/Information related to corporate governance, business operations, and unusual events was fully disclosed in a timely manner, ensuring transparency and protecting the interests of shareholders and investors.

Công ty tiếp tục duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ và thực hiện kiểm toán nội bộ thông qua đơn vị độc lập, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và kiểm soát rủi ro/The Company continued to maintain its internal control system and conducted internal audits through an independent firm, contributing to improved governance effectiveness and risk control.

Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt thực hiện công tác kiểm toán nội bộ năm 2025/ The Company signed a contract with Viet Standard Audit and Consulting Co., Ltd. to perform internal audit work for 2025.

- Các nội dung chưa thực hiện/ Contents not yet implemented:

Trong năm 2025, Công ty không có nội dung nào chưa thực hiện liên quan đến quy định về quản trị công ty/ In 2025, the Company had no outstanding issues related to non-compliance with corporate governance regulations.

Nguyên nhân và giải pháp/ Reasons and solutions: Công ty tiếp tục duy trì hệ thống quản trị phù hợp với quy định pháp luật và thông lệ quản trị tốt, đồng thời thường xuyên rà soát, cập nhật các quy định nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả quản trị/ The Company continues to maintain a governance system aligned with legal regulations and good governance practices, while regularly reviewing and updating internal policies to enhance governance effectiveness.

- Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/ Plan to enhance efficiency in corporate governance activities:

+ HĐQT duy trì nề nếp hoạt động, đảm bảo tuân thủ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty/*The BOD maintains regular operations in compliance with the Charter and internal corporate governance regulations.*

+ Tăng cường phối hợp giữa HĐQT và Ban Điều hành trong việc triển khai chiến lược và thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ/*Strengthen coordination between the BOD and the Executive Board in implementing strategies and GMS resolutions.*

+ Nâng cao vai trò của kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ trong quản trị rủi ro/*Enhance the role of internal audit and internal control systems in risk management.*

+ Đẩy mạnh minh bạch thông tin và áp dụng các chuẩn mực quản trị theo thông lệ quốc tế/*Promote transparency and adopt governance standards in line with international practices.*

VI. Báo cáo tài chính/*Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions* (Theo Báo cáo kiểm toán độc lập - số tham chiếu 0746/VN1A-HN-BC. ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Công ty DELOITTE VIỆT NAM) (*According to the Independent Audit Report - reference number 0746/VN1A-HN-BC. dated March 20, 2026 of DELOITTE VIETNAM*):

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính./ *In our opinion, the consolidated financial statements present fairly, in all material respects, the financial position of the Company as at 31 December 2025, and its financial performance and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting.*

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements*:

Báo cáo tài chính năm 2025 (Báo cáo riêng và Báo cáo hợp nhất) đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ: [www.aquatexbentre.com/Quan hệ cổ](http://www.aquatexbentre.com/Quan hệ cổ đông)

Audited annual financial statements (Separate Financial Statements and Consolidated Financial Statements) include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation.

Adresse where the financial statements of the parent company to be published and provided [www.aquatexbentre.com/Quan hệ cổ](http://www.aquatexbentre.com/Quan hệ cổ đông)

Nơi nhận/ Recipients:

-Như Kính gửi/ As Dear

-Lưu: VT, CBTT/

Archived: VT, CBTT

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL
REPRESENTATIVE**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Signature, full name and seal)



Phan Hữu Tài
Tổng Giám đốc